

Phụ lục VII
THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU
TẠI LĨNH VỰC CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2025)

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	82%	70,1%	80,4%	85%	12,4%
1.1.	Kế hoạch được giao	3.066,766 tỷ đồng	3.622,191 tỷ đồng	5.096.053 triệu đồng	4.108.750 triệu đồng	6.771.345 triệu đồng
1.2.	Đã thực hiện đến 31/01 của năm sau	2.514,042 tỷ đồng	2.545,603 tỷ đồng	4.097.857 triệu đồng	3.475.386 triệu đồng	842.516 triệu đồng
2	Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực quản lý của bộ (theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP)	1	1		1	
3	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) thuộc bộ, cơ quan (lũy kế đến thời điểm báo cáo)					
3.1.	Tổng số ĐVSN thuộc bộ, cơ quan	1.116	1.073	1.059	1.051	1.042
3.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	0	2	3	3	3
3.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	25	23	31	32	32

STT	Chỉ tiêu	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				
		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025 (tính đến 31/3)
3.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	127	122	115	107	106
3.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên			4	4	4
3.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên			20	19	19
3.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên			91	84	83
3.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	964	926	910	909	901